

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 3 năm 2008

I.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	387,145,685,721	320,521,835,438
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	299,674,894,861	187,064,128,437
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	18,010,000,000	34,150,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	48,348,080,852	43,096,424,309
4	Hàng tồn kho	19,307,377,592	51,631,560,271
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,805,332,416	4,579,722,421
II	Tài sản dài hạn	430,025,677,491	423,918,283,790
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	308,356,178,075	300,935,147,895
	-Tài sản cố định hữu hình	266,486,721,307	257,032,342,104
	*Nguyên giá	416,863,281,876	419,153,258,306
	*Giá trị hao mòn lũy kế	(150,376,560,569)	(162,120,916,202)
	-Tài sản cố định vô hình	0	0
	-Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	-Chi phí XDCB dở dang	41,869,456,768	43,902,805,791
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	86,152,836,999	90,902,836,999
5	Tài sản dài hạn khác	35,516,662,417	32,080,298,896
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	817,171,363,212	744,440,119,228
IV	Nợ phải trả	346,814,671,421	216,686,156,291
1	Nợ ngắn hạn	306,433,468,303	176,562,121,423
2	Nợ dài hạn	40,381,203,118	40,124,034,868
V	Vốn chủ sở hữu	470,356,691,791	527,753,962,937
1	Vốn chủ sở hữu	460,933,236,113	518,138,411,583
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	0	0
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	0	72,340,602,737
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	160,933,236,113	145,797,808,846
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	9,423,455,678	9,615,551,354
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,211,178,194	9,430,911,444
	- Nguồn kinh phí	212,277,484	184,639,910
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	817,171,363,212	744,440,119,228

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
Vật tư, hàng hóa, TSCĐ nhận giữ hộ, nhận gia công	1,056,101,190	958,269,119

II.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	204,754,944,618	378,592,219,983
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	204,754,944,618	378,592,219,983
4	Giá vốn hàng bán	115,388,429,067	217,022,527,023
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89,366,515,551	161,569,692,960
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,280,880,382	8,233,671,527
7	Chi phí tài chính	1,471,898,165	4,100,120,269
8	Chi phí bán hàng	2,561,441,979	4,106,291,709
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,518,068,515	15,799,143,663
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	80,095,987,274	145,797,808,846
11	Thu nhập khác	1,088,916,818	6,227,645,732
12	Chi phí khác	1,088,916,818	6,227,645,732
13	Lợi nhuận khác	0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80,095,987,274	145,797,808,846
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	80,095,987,274	145,797,808,846
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,670	4,860
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 15/10/2008
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN NGỌC ẨN